

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/DS-ST
Ngày: 31-3-2023
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Ngô Quốc Tiến
- Ông Lê Quang Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 406/2022/TLST-DS ngày 29/11/2022 về việc “tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-DS ngày 06/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST-DS ngày 06/3/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty V.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Văn N, sinh năm, Chức vụ: Giám đốc công ty, là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của ông Ngoan: Ông Hồ Thanh Tr, sinh năm.

Cùng địa chỉ: Số s, tổ h, khóm M, phường P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 15/12/2022).

- Bị đơn:

- Ông Bùi Văn H, sinh năm.
- Bà Đào Hồng T, sinh năm.

Cùng địa chỉ: Tổ m, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Tr có mặt tại phiên tòa, ông H và bà T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng

nếu tại phiên tòa, nguyên đơn có người đại diện hợp pháp là ông Hồ Thanh Tr trình bày:

Vào ngày 08/07/2017, ông Bùi Văn H và bà Đào Hồng T có ký hợp đồng số MC00395/HĐTC – CC ngày 08/07/2017 với Công ty V. Theo đó, ông H và bà T vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 90 ngày (từ ngày 08/07/2017 đến ngày 06/10/2017), lãi suất trong hạn 1,245% tháng, lãi suất quá hạn 1,8675%/ tháng, phương thức trả nợ là trả góp vốn và lãi định kỳ hàng ngày, tiền góp mỗi ngày là 244.000 đồng.

Khi vay ông H và bà T có cầm cố tài sản là xe nhãn hiệu SOME, số loại C110, biển số: 66P1-494.04, SK: RRRKWCHOU7XS09620, SM: VTT08JLIP52FMH009620 và xe nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, biển số 66M4-0814, SK: 640AY310366, SM: 5C64-310396 theo hợp đồng số MC00395/HĐTC- CC ngày 08/07/2017 nêu trên. Tuy nhiên, nguyên đơn đã cho ông H và bà T mượn lại xe để làm phương tiện đi lại và có lập biên bản thỏa thuận gửi giữ tài sản cầm cố.

Thực hiện hợp đồng vay, ông H và bà T đã trả góp được 56 ngày (từ ngày 09/07/2017 đến hết ngày 02/09/2017) với số tiền là 244.000đ x 56 ngày = 13.664.000 đồng. Từ ngày 03/09/2017 đến hết ngày 06/10/2017 ông H và bà T không tiếp tục trả góp. Như vậy, tổng số tiền ông H và Bà T còn nợ là: 34 ngày x 244.000 đồng/ngày = 8.296.000 đồng.

Lãi quá hạn từ ngày 07/10/2017 đến hết ngày 25/07/2022 (1.753 ngày): $(8.296.000 \text{ đồng} \times 1.8675\%) / 30 = 5.164 / \text{ngày} \times 1.753 \text{ ngày} = 9.053.000 \text{ đồng}$.

Công ty V yêu cầu ông H và Bà T có trách nhiệm liên đới trả tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 25/07/2022 là: 17.349.000 đồng. Không yêu cầu giải quyết, xử lý đối với tài sản cầm cố do nguyên đơn không quản lý và không biết về hiện trạng của tài sản.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có người đại diện hợp pháp là ông Hồ Thanh Tr trình bày, sau khi xem xét hợp đồng và tính toán lại thì số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả giảm hơn so với yêu cầu khởi kiện ban đầu. Theo đó, nguyên đơn yêu cầu ông Bùi Văn H và bà Đào Hồng T có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty V tổng số tiền là 17.081.050 đồng, trong đó gồm: tiền gốc 7.556.800 đồng (tiền gốc mỗi ngày là 222.200 đồng và tiền gốc ngày cuối kỳ là 224.200 đồng, tiền gốc còn nợ của 34 ngày là 222.200 đồng x 33 ngày + 224.200 đồng x 01 ngày), lãi trong hạn 106.626 đồng $(7.556.800 \text{ đồng} \times 1,245\% / \text{tháng} \times 34 \text{ ngày})$, lãi quá hạn 9.417.624 đồng $(7.556.800 \text{ đồng} \times 1,8675\% / \text{tháng} \times 2.002 \text{ ngày})$ và yêu cầu tính lãi phát sinh trên dư nợ gốc còn thiếu theo mức lãi suất 1,8675%/tháng như thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ. Không yêu cầu bị đơn phải trả phí tín dụng 442.000 đồng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Bùi Văn H và bà Đào Hồng T nhưng tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án ông H và bà T vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng ông H và bà T chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật này và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Công ty V và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Bị đơn ông Bùi Văn H và bà Đào Hồng T có nơi cư trú tại xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Bùi Văn H và bà Đào Hồng T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn Công ty V yêu cầu ông H và bà T có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên tổng số tiền vốn và lãi là 17.081.050 đồng, trong đó số tiền gốc là 7.556.800 đồng, tiền lãi trong hạn 106.626 đồng, tiền lãi quá hạn 9.417.624 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh trên nợ gốc còn thiếu với mức lãi suất 1,8675%/tháng theo thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ. Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết về nội dung yêu cầu của nguyên đơn nhưng bị đơn không có ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ có liên quan và vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Xét hợp đồng thế chấp kiêm hợp đồng cầm cố số MC00395/HĐTC – CC ngày 08/07/2017 thể hiện ông Bùi Văn H và bà Đào Hồng T có vay của Công ty V số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 90 ngày, kể từ ngày 09/7/2017 đến ngày 06/10/2017, lãi suất trong hạn 1,245%/tháng (tương đương 14,94%/năm), lãi suất quá hạn 1,8675%/tháng (tương đương 22,41%/năm). Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng này do các bên tự nguyện xác lập, thỏa thuận, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119, và Điều 463 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H, bà T đã trả vốn và lãi đến ngày 02/9/2017 (góp được 56 ngày) với số tiền 13.664.000 đồng, trong đó tiền gốc là 12.443.200 đồng. Như vậy, ông H và bà T còn nợ số tiền gốc là 7.556.800 đồng, tiền lãi trong hạn là 106.626 đồng

(7.556.800 đồng x 1,245%/tháng x 34 ngày), tiền lãi quá hạn 9.417.624 đồng (ngày chuyển nợ quá hạn 07/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/3/2017 là 2.002 ngày x 7.556.800 đồng x 1,867%/tháng). Từ ngày 03/9/2017 đến nay, ông H, bà T không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ông H, bà T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty V số tiền gốc và tiền lãi còn nợ 17.081.050 đồng và phải trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc còn thiếu theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận tại hợp đồng là 1,8675%/tháng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[3] Về giải quyết hợp đồng cầm cố và xử lý tài sản cầm cố: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn ông H và bà T phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm, Công ty V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 288, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V.

Buộc ông Bùi Văn H và bà Đào Hồng T có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty V số tiền vốn và lãi 17.081.050 đồng, trong đó tiền gốc 7.556.800 đồng, tiền lãi trong hạn 106.626 đồng và tiền lãi quá hạn 9.417.624 đồng.

Ông Bùi Văn H và bà Đào Hồng T có trách nhiệm liên đới tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc còn thiếu theo mức lãi suất nợ quá hạn 1,8675%/tháng, kể từ ngày 01/4/2023 đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về giải quyết hợp đồng cầm cố và xử lý tài sản cầm cố: Không xem xét giải quyết.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Bùi Văn H và bà Đào Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 854.053 đồng.

Công ty V được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 434.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011784 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS ND TPCL;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Nữ Thu Hân